TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11a/2021/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hà Ngân - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 16/2021/QĐ-TA ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Đương sự thứ nhất: Chị **Trần Thị Hồng T**, sinh ngày: 22/02/1991, HKTT: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Đương sự thứ hai: Anh **Trần S**, sinh ngày: 10/10/1987, HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay đang lao động tại Hàn Quốc, đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự ở nước ngoài (anh Trần S): Chị Trần Thị L, sinh năm: 1981, địa chỉ: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (là chị gái của anh Trần S), vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo yêu cầu giải quyết việc ly hôn của chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

Ngày 05/12/2011, tại trụ sở UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, chị Trần Thị Hồng T, sinh ngày: 22/02/1991, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và anh Trần S, sinh ngày: 10/10/1987, đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay đang lao động tại Hàn Quốc, trên tinh thần tự nguyện,

tự do tìm hiểu đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn, theo số đăng ký số 01/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 người con là Trần T, sinh ngày 09/10/2012 và Trần K, sinh ngày 01/01/2016. Năm 2015, anh Trần S đi làm việc tại Hàn Quốc. Từ đó, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không tin tưởng nhau dẫn đến không quan tâm đến nhau, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống riêng của bản thân.

Đến nay, hai vợ chồng cùng xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung:

- Con thứ nhất: Trần T, sinh ngày 09/10/2012

- Con thứ hai: Trần K, sinh ngày 01/01/2016.

Các con hiện đang học tập tại trường học xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Do chị Trần Thị Hồng T đang làm thủ tục đi làm việc ở nước ngoài, anh Trần S chuẩn bị về Việt Nam nên vợ chồng thống nhất giao cho anh Trần S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 57, 81, 82, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S thuận tình ly hôn, công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa hai vợ chồng, các vấn đề khác đương sự không yêu cầu, đã thống nhất nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Trần Thị Hồng T, anh Trần S, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng giải quyết việc dân sự nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Trần S và chị Trần Thị Hồng T theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 1713/QLXNC-P5 ngày 19/01/2021về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện "Anh Trần S, sinh ngày 10/10/1987, CMND số 184134741, đã xuất cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 20/4/2015, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, anh Trần S đã trực tiếp gọi điện thoại trình bày ý kiến thể hiện hoàn toàn đồng ý với nội dung chị Thắm yêu cầu và không có tranh chấp; việc anh S không gửi được tài liệu về Việt Nam là bất khả kháng do dịch Covid-19 bùng phát. Đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bà Trần Thị L, địa chỉ: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (là chị gái của anh Trần S). Trên tinh thần Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án sẽ tống đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài.

[1.4] Chị Trần Thị Hồng T có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 07/2021/TB-TA ngày 20/01/2021 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 206, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau, đời sống hôn nhân hạnh phúc và có hai con chung. Mâu thuẫn thực sự phát sinh khi anh Trần S đi lao động tại Hàn Quốc vào năm 2015. Từ đó, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, không quan tâm đến nhau, anh Trần S không về thăm vợ con lần nào. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng

không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] *Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).*

[2.1.4] Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Trần S và chị Trần Thị Hồng T hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh S, chị Thắm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Trần S và chị Trần Thị Hồng T có hai người con chung là Trần T, sinh ngày 09/10/2012 và Trần K, sinh ngày 01/01/2016. Hiện nay, chị Thắm đang làm hồ sơ đi lao động ở nước ngoài, anh Trần S đang làm thủ tục về Việt Nam. Vì vậy hai vợ chồng thống nhất giao con chung cho an Trần S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Trần S đang chuẩn bị về Việt Nam thì giao cho chị Trần Thị L (là em gái anh Trần S) chăm sóc các con. Xét thấy sự thỏa thuận này là sự tự nguyện của hai vợ chồng, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đúng pháp luật, nhằm mục đích đảm bảo tốt nhất cho cuộc sống của các con chung nên chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng T, sinh ngày: 22/02/1991, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và anh Trần S, sinh ngày: 10/10/1987, đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn 3, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay đang lao động tại Hàn Quốc.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận việc nuôi con chung giữa chị Trần Thị Hồng T và anh Trần S: Giao con chung là Trần T, sinh ngày 09/10/2012 và Trần K, sinh ngày 01/01/2016 cho anh Trần S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Trần S chưa về Việt Nam, giao con chung cho chị Trần Thị L (là chị gái anh Trần S) trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận sự tự nguyện nộp số tiền án phí HNGĐST 300.000 đồng của chị Trần Thị Hồng T theo biên lai số 0000111 ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Hà Ngân